CẬP NHẬT KẾT QUẢ KINH DOANH QUÝ 4/2025

CTCP DIC - Đồng Tiến

Ngày 31/12/2025	3,900 VNĐ		
Thay đổi	*1 tháng*	*3 tháng*	*6 tháng*
	-4.9%	**-7.1%**	**-9.3%**

Sàn giao dịch	UPCOM
Khoảng giá 52 tuần	3,700 - 4,900
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	61
Số lượng CPLH (CP)	15,622,552
KLGD BQ 20 phiên (CP)	3,195
Sở hữu nước ngoài	0.0%
Beta	0.72
EPS	116
P/E	33.5

DT thuần
Q4/25
82.4
tỷ VNĐ
QoQ: ▼25.6| -23.7%
YoY: ▼7.30| -8.1%

LN thuần
Q4/25
-2.81
tỷ VNĐ
QoQ: ▼3.60| -455%
YoY: ▼2.75| -4578%

LN sau thuế
Q4/25
0.75
tỷ VNĐ
QoQ: ▼0.10| -11.6%
YoY: ▲ 0.54| 258%

Tỷ suất lãi EBIT
2025
1.4%
YoY: +/-▼ 1.5%

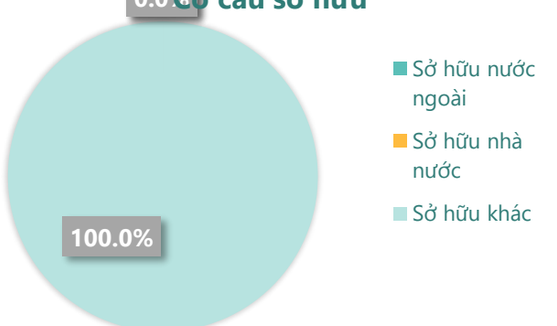
ROE
2025
1.0%
YoY: +/-▲ 0.2%

DT thuần
2025
422
tỷ VNĐ
YoY: ▲ 184| 77.0%

LN thuần
2025
-2.39
tỷ VNĐ
YoY: ▼4.00| -248%

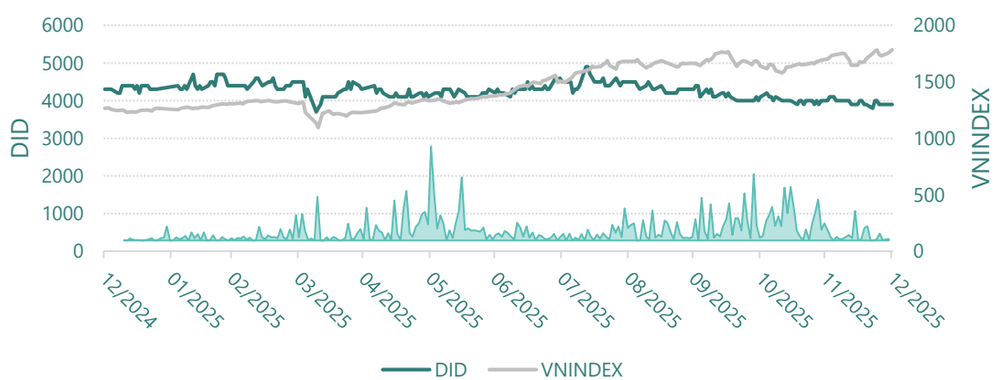
LN sau thuế
2025
1.82
tỷ VNĐ
YoY: ▲ 0.45| 32.6%

Cơ cấu sở hữu

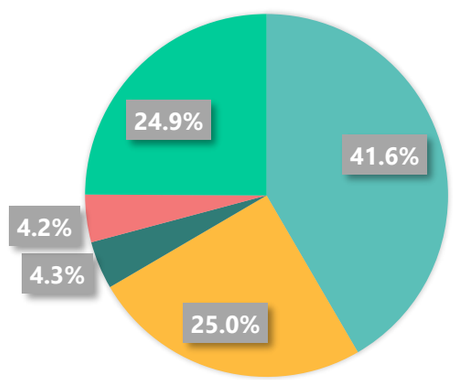


(Nguồn: fireant.vn)

Lịch sử giá



Cơ cấu cổ đông

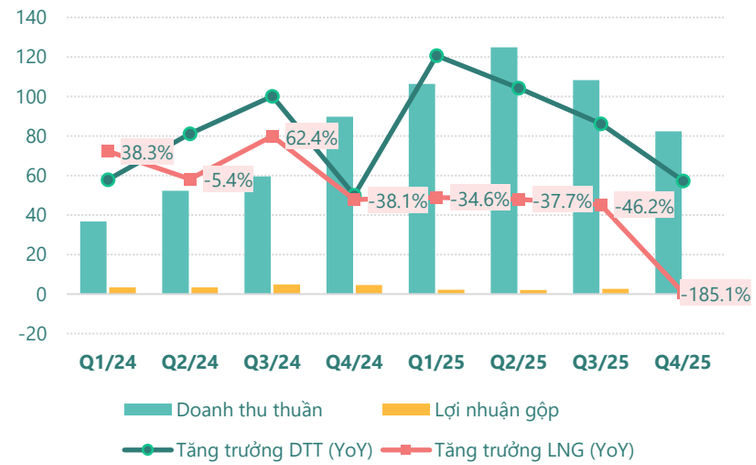


- CTCP Cấu kiện bê tông Nhơn Trạch 2
- CTCP Siêu Thị Vật liệu Xây Dựng Thế Giới Nhà
- Trần Hoàng Tuấn
- Trần Thị Mỹ Dung
- Khác

(Nguồn: fireant.vn)

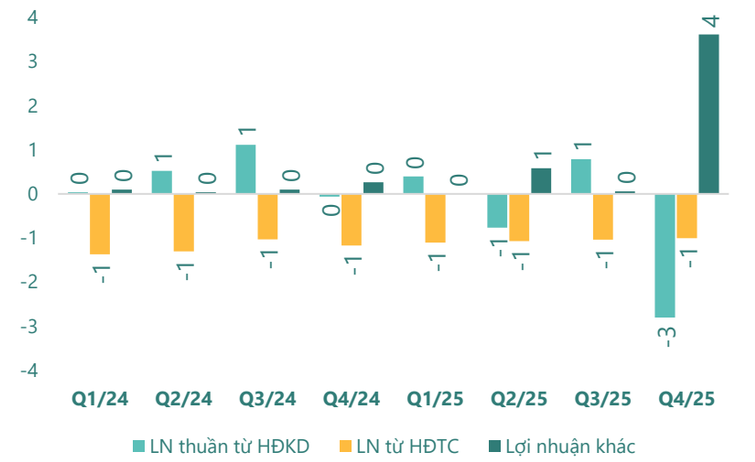
KẾT QUẢ KINH DOANH

Doanh thu thuần, Lợi nhuận gộp



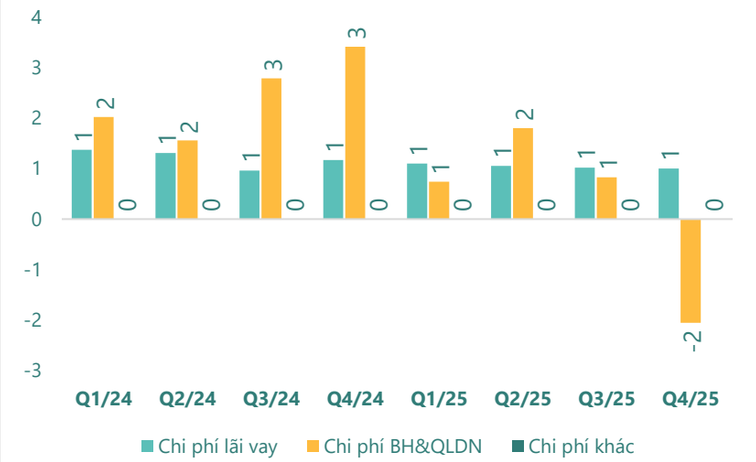
(Nguồn: fireant.vn)

Lợi nhuận



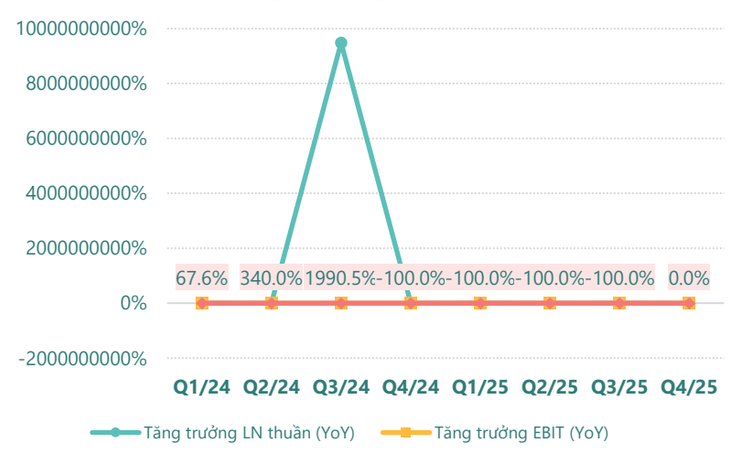
(Nguồn: fireant.vn)

Chi phí



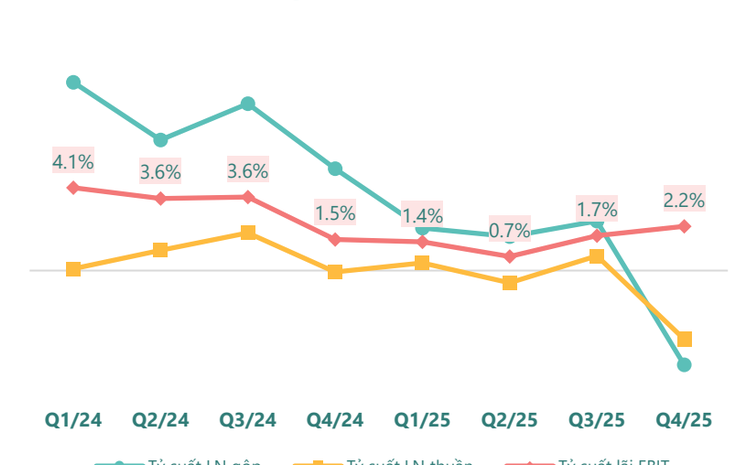
(Nguồn: fireant.vn)

Tăng trưởng lợi nhuận



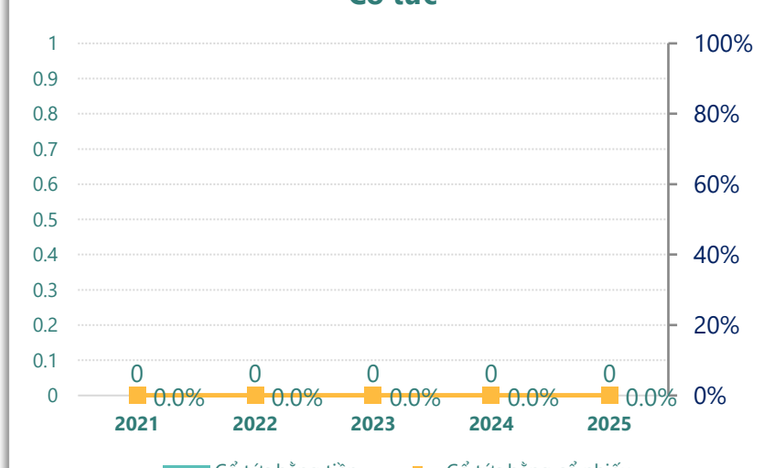
(Nguồn: fireant.vn)

Tỷ suất sinh lợi



(Nguồn: fireant.vn)

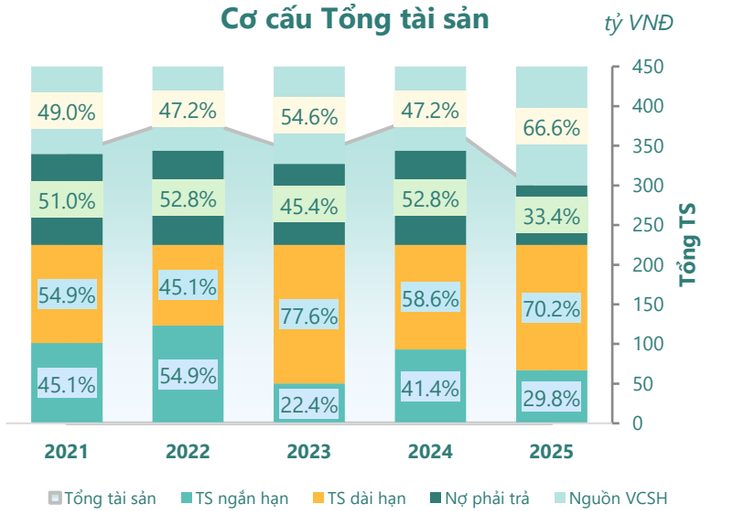
Cổ tức



(Nguồn: fireant.vn)

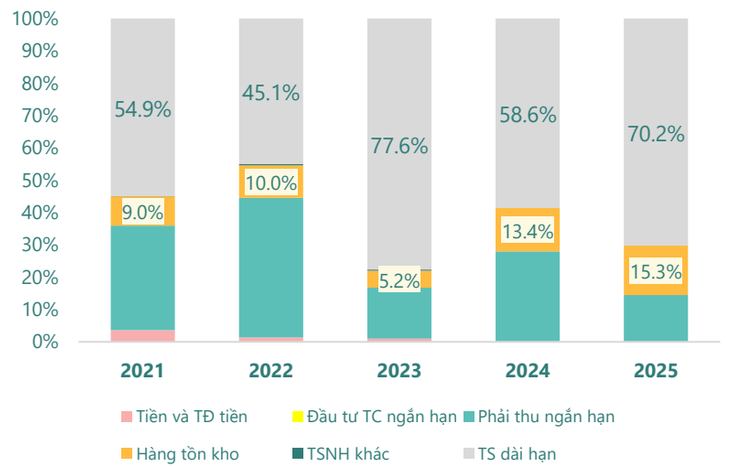
TÀI SẢN - NGUỒN VỐN

Cơ cấu Tổng tài sản



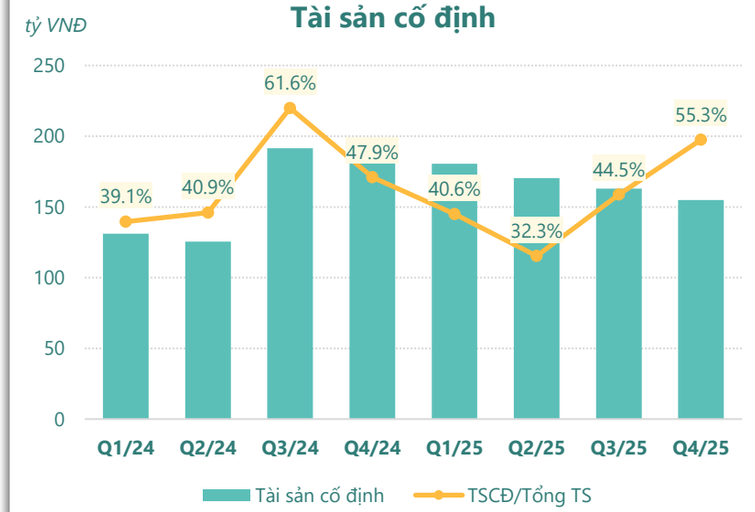
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu TS ngắn hạn/Tổng TS



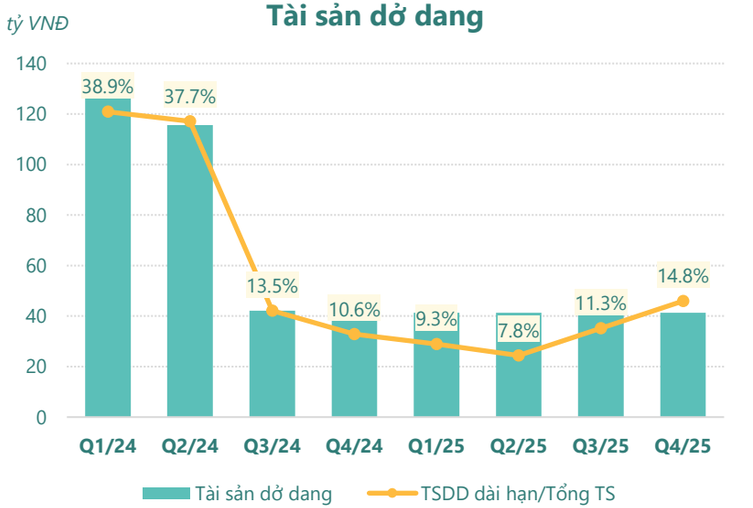
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản cố định



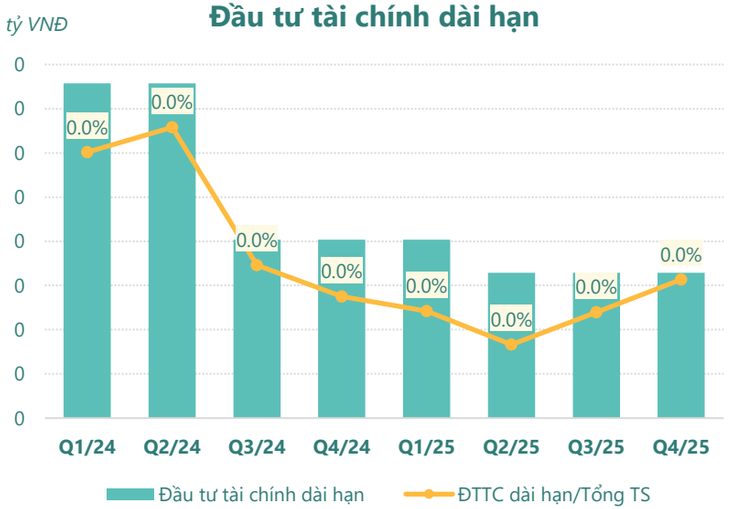
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản dở dang



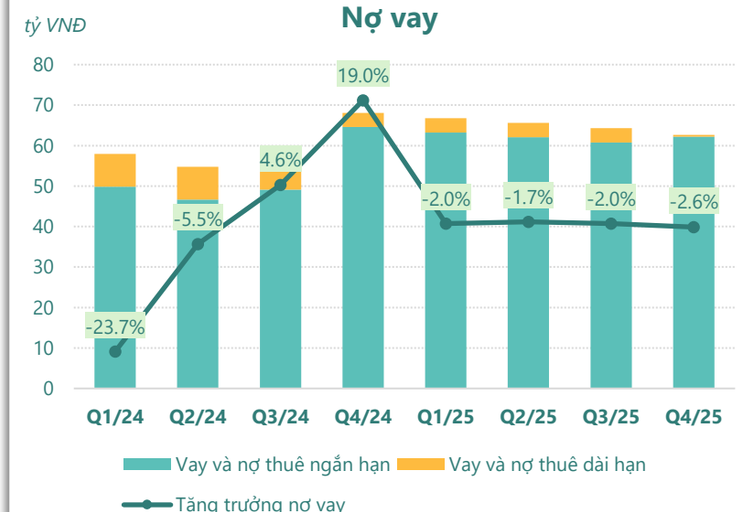
(Nguồn: fireant.vn)

Đầu tư tài chính dài hạn



(Nguồn: fireant.vn)

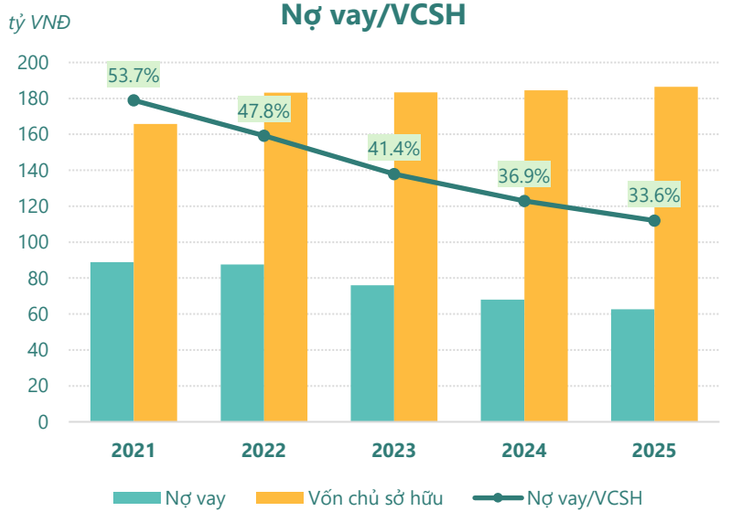
Nợ vay



(Nguồn: fireant.vn)

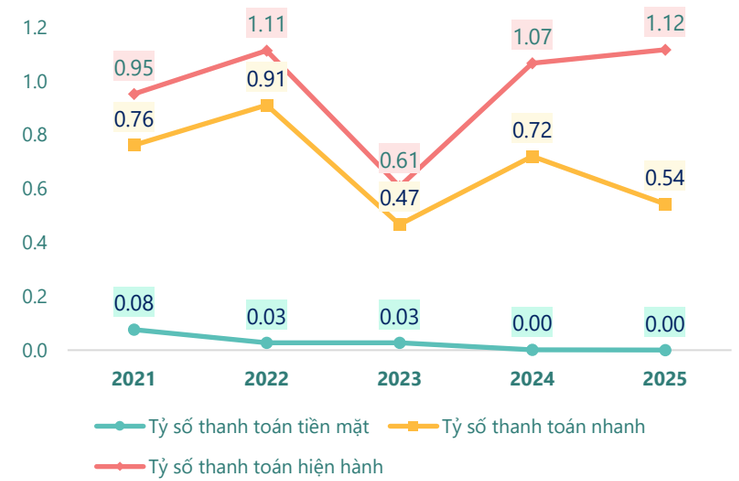
HIỆU QUẢ HOẠT ĐỘNG

Nợ vay/VCSH



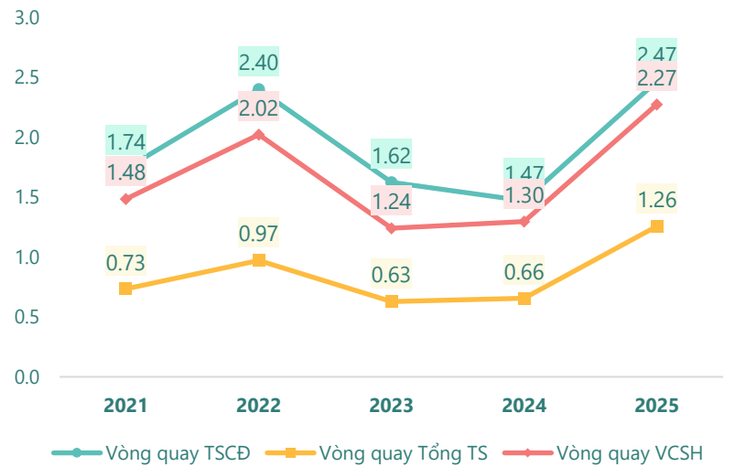
(Nguồn: fireant.vn)

Chỉ số thanh khoản



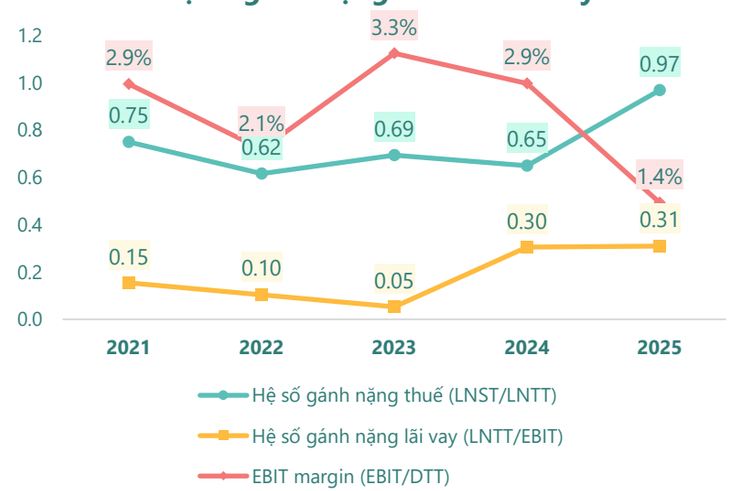
(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản



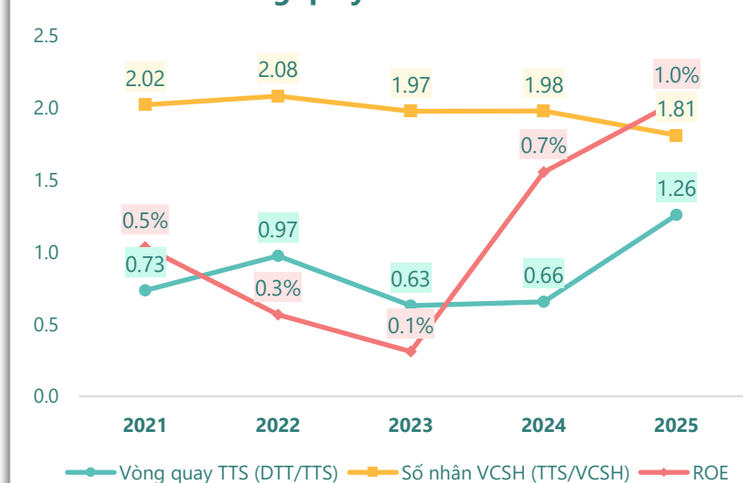
(Nguồn: fireant.vn)

Hệ số gánh nặng thuế và lãi vay



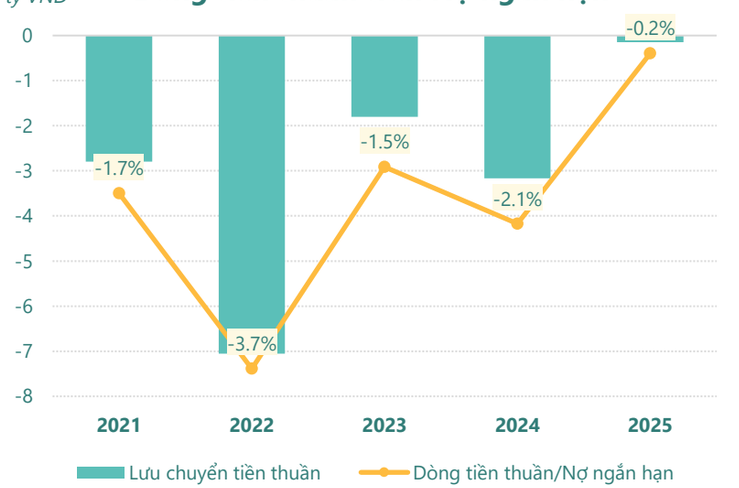
(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản và ROE



(Nguồn: fireant.vn)

Dòng tiền thuần trên Nợ ngắn hạn



(Nguồn: fireant.vn)

KẾT QUẢ KINH DOANH (tỷ VNĐ)	Q4/25	Q4/24	Thay đổi YoY	2025	2024	Thay đổi YoY
Doanh thu thuần	**82.4**	**89.7**	**-8.1%**	**422**	**238**	**77.0%**
Giá vốn hàng bán	86.3	85.2	1.3%	419	222	88.3%
Lợi nhuận gộp	-3.86	4.53	-185%	3.15	16.0	-80.3%
Doanh thu HĐTC	0.00	0.00		0.00	0.02	-91.1%
Chi phí TC	1.01	1.17	-14.1%	4.22	4.89	-13.8%
Chi phí lãi vay	1.01	1.17	-14.1%	4.19	4.82	-13.1%
LN trong công ty LKLD	**0**	**0.00**		**0**	**0**	
Chi phí bán hàng	1.41	0.02	6929%	1.97	0.64	207%
Chi phí QLDN	**-3.46**	**3.40**	**-202%**	**-0.65**	**8.84**	**-107%**
LN thuần từ HĐKD	-2.81	-0.06	-4578%	-2.39	1.61	-248%
Lợi nhuận khác	**3.62**	**0.27**	**1240%**	**4.26**	**0.50**	**755%**
LN trước thuế	0.81	0.21	286%	1.88	2.11	-11.1%
Lợi nhuận sau thuế	**0.75**	**0.21**	**258%**	**1.82**	**1.37**	**32.6%**
LNST của CĐ cty mẹ	**0.75**	**0.21**	**258%**	**1.82**	**1.37**	**32.6%**

(Nguồn: fireant.vn)

Lưu chuyển tiền tệ (tỷ VNĐ)	Q3/24	Q4/24	Q1/25	Q2/25	Q3/25	Q4/25
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	4.46	-12.3	1.70	-2.33	4.57	1.55
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	-7.35	-0.78	-0.05	4.07	-4.06	-0.12
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	2.50	10.9	-1.36	-1.15	-1.30	-1.66
Tiền đầu kỳ	2.81	2.42	0.18	0.47	1.06	0.26
Lưu chuyển tiền thuần	**-0.39**	**-2.24**	**0.29**	**0.59**	**-0.80**	**-0.22**
Ảnh hưởng tỷ giá	0	0	0	0	0	0
Tiền cuối kỳ	2.42	0.18	0.47	1.06	0.26	0.03

(Nguồn: fireant.vn)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tỷ VNĐ)	Tại ngày 31/12/2025	Tại ngày 31/12/2024	Thay đổi
Tổng tài sản	**280**	**391**	**-28.5%**
Tài sản ngắn hạn	83.3	162	-48.6%
Tiền và tương đương tiền	0.03	0.18	-81.9%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	0	0	
Phải thu ngắn hạn	40.5	109	-62.9%
Hàng tồn kho	42.7	52.6	-18.8%
Tài sản ngắn hạn khác	0	0.04	-100%
Tài sản dài hạn	**197**	**229**	**-14.3%**
Phải thu dài hạn	0	0	
Tài sản cố định	155	187	-17.4%
Bất động sản đầu tư	0	0	
Tài sản dở dang	41.4	41.4	0.0%
Đầu tư tài chính dài hạn	0.07	0.08	-18.5%
Tài sản dài hạn khác	**0.42**	**0.63**	**-34.2%**
Lợi thế thương mại	0	0	
Nợ phải trả	93.5	207	-54.8%
Nợ ngắn hạn	**74.5**	**152**	**-50.9%**
Vay và nợ thuê ngắn hạn	62.2	64.6	-3.7%
Phải trả người bán ngắn hạn	7.57	83.5	-90.9%
Nợ dài hạn	19.0	55.1	-65.6%
Vay và nợ thuê dài hạn	0.40	3.50	-88.6%
Nguồn vốn chủ sở hữu	**186**	**185**	**1.0%**
Vốn chủ sở hữu	**186**	**185**	**1.0%**
Vốn điều lệ	156	156	0.0%
Kinh phí và quỹ khác	**0**	**0**	

(Nguồn: fireant.vn)